

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI  
Năm báo cáo : Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

### I. Lịch sử hoạt động của Công ty

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

- + Việc thành lập : tháng 11 năm 1992
- + Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần : tháng 05/1998 từ nhà nước sang Công ty Cổ phần.
- + Niêm yết : ngày 29/12/2006
- + Các sự kiện khác : không có

#### 2. Quá trình phát triển

- + Ngành nghề kinh doanh : đại lý vận tải Đa phương thức và tiếp vận kho bãi, đại lý tàu biển & môi giới hàng hải.
- + Tình hình hoạt động : đạt tốc độ tăng trưởng đều đặn.

3. Định hướng phát triển : dịch vụ kho bãi và giao nhận vận tải đa phương thức.

- + Các mục tiêu chủ yếu của Công ty : phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận , Logistics.
- + Chiến lược phát triển trung và dài hạn : dịch vụ kho bãi và giao nhận vận tải .

### II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

- Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2010 : tổng doanh thu : 198,31 tỷ. Lợi nhuận trước thuế : : 38,93 tỷ. Cổ tức : dự kiến 5% trên vốn điều lệ (trả bằng tiền mặt ).

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch) : tổng doanh thu đạt : 152,55% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt : 106.89% so với kế hoạch.

- Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới) : không có.

- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu) : thực hiện xây dựng cao ốc văn phòng tại 209 Nguyễn Văn Thủ , Quận 1 – Tp.HCM.

### III. Báo cáo của Ban Giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần : 21.31% ,

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần : 18.14%

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản : 10.75%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản : 9.15%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu : 0.19%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần : 0.40%

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1.13 lần,

+ Khả năng thanh toán nhanh 0.66 lần.

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

- Phân tích những biến động - những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động) : Đại lý giao nhận vận tải Đa phương thức là một trong số những dịch vụ bị cạnh tranh bởi các Công ty đa-quốc-gia và khoảng 800 công ty trong nước.

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Công ty vẫn đạt mức doanh thu và lợi nhuận hơn năm 2010. Doanh thu tăng so với dự kiến 52,55% và lợi nhuận sau thuế tăng 6,89% so với kế hoạch.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : 23.047 đồng/cp

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : không thay đổi.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...) : 8.289.981 cổ phiếu phổ thông.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...) không có trái phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 8.289.981 cổ phiếu phổ thông .

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có) : không có

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : dự kiến 5% trên vốn điều lệ bằng tiền mặt.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>
<i>Doanh thu</i>	121.276.524.427	124.388.504.438	182.712.157.811
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	40.949.030.814	39.357.109.442	38.932.434.842
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	37.525.708.499	35.171.239.423	33.138.933.485
<i>Nguồn vốn chủ sở hữu</i>	133.418.320.601	163.460.031.506	191.121.812.224
<i>Tổng tài sản</i>	290.459.860.362	326.359.545.342	397.669.604.131

Năm 2010 mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới. Đại lý giao nhận vận tải Đa phương thức là một trong số những dịch vụ bị cạnh tranh cạnh tranh bởi các Công ty đa-quốc-gia như APL, Schenke, Maersk, Panalpina, Kuhne Nagel, v. v. . .

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Công ty vẫn may mắn đạt mức doanh thu và lợi nhuận tương đương năm 2009. So với năm 2009 lợi nhuận thực hiện năm 2010 có giảm 5.77% nhưng đã vượt xa so với kế hoạch đề ra là 6.89%.

Ngoài ra trong năm 2010 lợi nhuận từ các Liên doanh liên kết có giảm so năm 2010 tương đương giảm khoảng 4,59 tỷ đồng.

## **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

Hoạt động nghiệp vụ theo qui trình ISO 9001:2000.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Tiếp tục đầu tư mạnh vào hạ tầng kho bãi và tiếp vận, thắt chặt quan hệ với các đại lý nước ngoài, tham gia các dự án đầu tư của các công ty trong nhóm ngành hàng hải .

## IV. Báo cáo tài chính



### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

*Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
đã được kiểm toán*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN - AASC



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phong Hieu - Hà Nội - Việt Nam  
Tel: (84 4) 3824 1990 / 1  
Fax: (84 4) 3825 2973  
E-mail: aascn@hn.vns.vn  
Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh TP HCM:

Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2  
Quận Tân Bình - TP HCM  
Tel: (84 8) 3848 5902 - 3848 5778  
Fax: (84 8) 3547 1828

VPBD tại Quảng Ninh:

Cột 2 đường Nguyễn Văn Cừ  
TP Hải Phòng - Quảng Ninh  
Tel: (84 31) 3617511  
Fax: (84 31) 3617512  
E-mail: aascn@qnamc.com.vn

**INPACT**  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-26

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên
Ông Phan Thông	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Thông	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Tp.HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2011



Số: 436/2011/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 16 tháng 03 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính:** Tại thời điểm 31/12/2010, khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn năm nay đang phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" là 4.103.403.715 VND, theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì các khoản chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào thu nhập phát sinh trong năm.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

**Vũ Xuân Biên**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>218.408.697.299</b>	<b>161.620.704.921</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	128.180.011.501	88.588.231.444
111	1. Tiền		61.080.011.501	67.588.231.444
112	2. Các khoản tương đương tiền		67.100.000.000	21.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	28.932.000.000	25.861.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		28.932.000.000	25.861.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.280.932.190	40.746.861.608
131	1. Phải thu của khách hàng		9.185.060.867	13.671.493.097
132	2. Trả trước cho người bán		480.888.250	680.598.770
135	5. Các khoản phải thu khác	5	45.614.983.073	26.394.769.741
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.015.753.608	6.424.611.869
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		523.939.445	275.399.885
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		156.164.227	143.250.806
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	462.328	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	5.335.187.608	6.005.961.178
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>179.260.906.832</b>	<b>164.738.840.421</b>
220	II. Tài sản cố định		107.889.322.602	103.982.882.433
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	94.580.826.521	93.055.999.630
222	- Nguyên giá		115.491.044.126	111.233.763.187
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.910.217.605)	(18.177.763.557)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9.718.560.044	9.816.093.215
228	- Nguyên giá		9.935.024.453	9.882.524.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(216.464.409)	(66.431.238)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.589.936.037	1.110.789.588
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	69.655.872.892	59.532.280.279
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		68.050.310.892	57.826.157.279
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.706.123.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.715.711.338	1.223.677.709
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	679.747.198	681.211.847
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.035.964.140	542.465.862
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>397.669.604.131</b>	<b>326.359.545.342</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		193.723.735.266	152.924.978.319
310	I. Nợ ngắn hạn		193.459.392.505	152.777.175.521
312	2. Phải trả người bán		31.750.912.232	36.921.898.062
313	3. Người mua trả tiền trước		31.883.191.685	12.346.179.208
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.393.731.863	4.786.465.636
315	5. Phải trả người lao động		6.893.986.020	5.777.609.115
316	6. Chi phí phải trả		113.345.455	31.742.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	115.482.849.429	92.261.841.420
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		941.375.821	651.440.080
330	II. Nợ dài hạn		264.342.761	147.802.798
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		264.342.761	147.802.798
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		191.065.781.261	162.808.591.426
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	191.065.781.261	162.808.591.426
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	82.899.818.054
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		4.103.403.715	888.575.222
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.198.067.208	3.281.512.944
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		65.228.379.684	42.102.572.606
439	C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỀU SỞ		12.880.087.604	10.625.975.597
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>397.669.604.131</u>	<u>326.359.545.342</u>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		2.132.769,00	1.928.373,12



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	182.712.157.811	124.388.584.438
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		182.712.157.811	124.388.584.438
11	4. Giá vốn hàng bán	17	128.212.646.294	75.114.369.619
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.499.511.517	49.274.214.819
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	13.440.339.145	6.092.326.341
22	7. Chi phí tài chính	19	3.668.266.820	1.227.198.954
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		44.322.281.533	36.588.489.038
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		19.949.302.309	17.550.853.168
31	11. Thu nhập khác		2.160.639.357	918.777.323
32	12. Chi phí khác		248.990.144	775.288.881
40	13. Lợi nhuận khác		1.911.649.213	143.488.442
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		17.071.483.320	21.662.767.832
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		38.932.434.842	39.357.109.442
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	5.793.441.357	4.185.870.019
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		33.138.993.485	35.171.239.423
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.978.913.531	1.653.388.476
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>31.160.079.954</u>	<u>33.517.850.947</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.759	6.710



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		38.932.434.842	39.357.109.442
02	Khấu hao tài sản cố định		5.549.544.543	4.233.629.691
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	1.744.587
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.886.541.537)	(23.548.516.595)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.595.437.848	20.043.967.125
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.001.406.393)	(16.619.407.583)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		40.288.726.390	(6.090.381.433)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(247.074.911)	(184.752.820)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.689.886.504)	(3.054.098.790)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		66.203.956.643	1.730.120.426
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(54.567.041.504)	1.901.636.254
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		69.582.711.569	(2.272.916.821)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.322.993.029)	(3.909.550.339)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		231.818.182	906.852.814
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(31.432.000.000)	(25.861.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.733.871.293	8.670.214.487
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.789.303.554)	(20.193.483.038)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	3.371.656.000
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.861.749.703)	(5.424.197.885)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.861.749.703)	(2.052.541.885)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		37.931.658.312	(24.518.941.744)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		88.588.231.444	109.528.885.241
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.660.121.745	3.578.287.947
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	128.180.011.501	88.588.231.444

Người lập

Nguyễn Văn D

Kế toán trưởng

Võ Thị Phương Lan



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 82.899.818.054 đồng. Tương đương 8.289.981 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Hải Phòng	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Hà Nội	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Quy Nhơn	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Vũng Tàu	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty

<u>Xí nghiệp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Xí nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Tp. HCM	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty

<u>Điểm kinh doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Kho hàng Safi	Tp. HCM	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất tại thời điểm 31/12/2010 bao gồm :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi <sup>(1)</sup>	Tp. HCM	51%	51%	Đại lý vận tải
- Công ty TNHH SITC Việt Nam <sup>(2)</sup>	Hải Phòng	51%	51%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(1) Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi có vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 600.000 USD (Sáu trăm ngàn đô la Mỹ) tương đương 9.600.000.000 VND (Chín tỷ sáu trăm triệu đồng).

(2) Công ty TNHH SITC Việt Nam có vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 400.000 USD (Bốn trăm ngàn đô la Mỹ) tương đương với 7.000.000.000 VND (Bảy tỷ đồng).

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Tp. HCM	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Tp. HCM	DV vận tải, kho vận và giao nhận

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998 và Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán: Thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán kỳ của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng kỳ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh và số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Công ty liên kết) được trình bày và hợp nhất theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2010 là 18.932 VNĐ/USD.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m<sup>2</sup> đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao, quận 1, Tp Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m<sup>2</sup> đất tại Lô 39, đường số 2, Khu công nghiệp Đà Nẵng, Tp Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

### **Các khoản đầu tư dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 kỳ hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 kỳ hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10203  
CÔNG  
TRƯỜNG  
CH VỤ T  
CHÍNH K  
SÀ KIỂM T  
KIỂM



### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động của Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	5.776.790.000	4.965.190.375
Tiền gửi ngân hàng	54.260.460.501	62.623.041.069
Tiền đang chuyển	1.042.761.000	-
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	67.100.000.000	21.000.000.000
	<b>128.180.011.501</b>	<b>88.588.231.444</b>

(1) Số dư tại ngày 31/12/2010 của khoản mục Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ dưới 3 tháng, cụ thể:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình với số tiền là 15 tỷ đồng, kỳ hạn 2 tháng, lãi suất là 12%/năm;
- Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền là 2,5 tỷ đồng, kỳ hạn rút linh hoạt, lãi suất là 14%/năm;
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (06 khoản của Ngân hàng TMCP Đông Á và 13 khoản của Ngân hàng Citibank) với tổng số tiền là 49,6 tỷ đồng, thời gian gửi từ 1 tuần đến 1 tháng và lãi suất dao động từ 11,8%/năm đến 14%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	28.932.000.000	25.861.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng <sup>(1)</sup>	28.932.000.000	25.861.000.000
	<b>28.932.000.000</b>	<b>25.861.000.000</b>

(1) Là số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được xác định dựa trên:

- Bản chào tiền gửi đặc biệt số 275/NHTMCP NT,KTGD HCM ngày 25 tháng 11 năm 2009 và Bản chào hàng đặc biệt ngày 25 tháng 1 năm 2010 trong đó quy định: Kỳ hạn huy động là 18 tháng có quyền chọn rút trước hạn sau 2 tuần; Lãi suất huy động áp dụng phụ thuộc vào thời gian thực gửi của Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi;
- Xác nhận số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2010 của Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh.

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu cước xuất phòng Air	14.709.006.811	10.679.221.906
Phải thu cước xuất phòng Sea	1.455.220.010	1.074.116.329
Phải thu cước THC phòng Sea	226.129.100	130.025.057
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	787.527.167	402.828.923
Phải thu Bảo hiểm xã hội nộp thừa	284.000	11.542.000
Phải thu các khoản đã chi hộ Freight World Pte Ltd	13.486.651.505	-
Phải thu cước phí vận tải cho Freight World Pte. Ltd	3.988.441.925	14.097.035.526
Phải thu hộ cho SITC Container Lines Co.,Ltd	10.388.370.511	-
Phải thu khác	573.352.044	-
	<u><b>45.614.983.073</b></u>	<u><b>26.394.769.741</b></u>

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	462.328	-
	<u><b>462.328</b></u>	<u><b>-</b></u>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.427.566.190	1.973.143.800
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.907.621.418	4.032.817.378
	<u><b>5.335.187.608</b></u>	<u><b>6.005.961.178</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**8 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>								
Số dư đầu năm	86.800.204.854	20.687.675.637	3.745.882.696				111.233.763.187	
Số tăng trong năm	-	5.782.191.849	250.709.092				6.032.900.941	
- Mua sắm mới	-	5.782.191.849	250.709.092				6.032.900.941	
Số giảm trong năm	-	(823.472.774)	(952.147.228)				(1.775.620.002)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(823.472.774)	(896.633.704)				(1.720.106.478)	
- Giảm khác	-	-	(55.513.524)				(55.513.524)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>86.800.204.854</b>	<b>25.646.394.712</b>	<b>3.044.444.560</b>				<b>115.491.044.126</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
Số dư đầu năm	8.458.092.431	7.102.558.787	2.617.112.339				18.177.763.557	
Số tăng trong năm	3.146.817.407	2.048.562.677	204.131.288				5.399.511.372	
- Trích khấu hao	3.146.817.407	2.048.562.677	204.131.288				5.399.511.372	
Số giảm trong năm	(1.003.023.747)	(766.979.873)	(897.053.704)				(2.667.057.324)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(766.979.873)	(896.633.704)				(1.663.613.577)	
- Giảm khác	(1.003.023.747)	-	(420.000)				(1.003.443.747)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.601.886.091</b>	<b>8.384.141.591</b>	<b>1.924.189.923</b>				<b>20.910.217.605</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>								
Tại ngày đầu năm	78.342.112.423	13.585.116.850	1.128.770.357				93.055.999.630	
Tại ngày cuối năm	76.198.318.763	17.262.253.121	1.120.254.637				94.580.826.521	
<i>Trong đó</i>								
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.817.196.988 VND.								

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	9.882.524.453	-	9.882.524.453
Số tăng trong năm	-	52.500.000	52.500.000
- Mua sắm mới	-	52.500.000	52.500.000
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.882.524.453</b>	<b>52.500.000</b>	<b>9.935.024.453</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	66.431.238	-	66.431.238
Số tăng trong năm	150.033.171	-	150.033.171
- Trích khấu hao	150.033.171	-	150.033.171
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>216.464.409</b>	<b>-</b>	<b>216.464.409</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	9.816.093.215	-	9.816.093.215
Tại ngày cuối năm	9.666.060.044	52.500.000	9.718.560.044

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	3.589.936.037	392.694.350
- Tòa nhà văn phòng công ty	3.589.936.037	392.694.350
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	718.095.238
- Xe tải FAW	-	718.095.238
	<b>3.589.936.037</b>	<b>1.110.789.588</b>

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	68.050.310.892	57.826.157.279
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) <sup>(1)</sup>	63.448.079.938	53.846.060.030
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam <sup>(2)</sup>	4.602.230.954	3.980.097.249
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	1.605.562.000	1.706.123.000
	<b>69.655.872.892</b>	<b>59.532.280.279</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

(1) Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Tp. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải
Tên công ty	Giá gốc của khoản đầu tư	Điều chỉnh lũy kế đến ngày 31/12/2010	Lãi trong năm	
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	4.350.780.000	59.097.299.938	36.554.110.255	

Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty liên kết:

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	214.369.188.758	166.831.737.581
- Tài sản dài hạn	12.698.339.117	15.307.358.605
- Nợ ngắn hạn	70.607.408.004	47.240.936.867
- Nợ dài hạn	1.169.835.921	1.075.587.881

Giá trị tài sản thuần	<u>155.290.283.950</u>	<u>133.822.571.438</u>
-----------------------	------------------------	------------------------

Phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên kết	<u>69.880.627.778</u>	<u>60.220.157.147</u>
--	-----------------------	-----------------------

Số liệu trên BCKQHĐKD của công ty liên kết	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Tổng doanh thu thuần	823.704.471.584	653.575.369.524
- Lợi nhuận sau thuế	36.554.110.255	50.287.992.476

Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của của công ty liên kết		
- Tổng doanh thu	370.667.012.213	294.108.916.286
- Lợi nhuận sau thuế	16.449.349.615	22.629.596.614

(2) Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	DV vận tải, kho vận và giao nhận
Tên công ty	Giá gốc của khoản đầu tư	Điều chỉnh lũy kế đến ngày 31/12/2010	Lãi trong năm	
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	1.216.630.954	2.704.929.152	

Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty liên kết:

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	21.624.730.787	15.764.224.192
- Tài sản dài hạn	11.945.335.616	10.515.320.887
- Nợ ngắn hạn	13.819.621.622	9.362.154.421
<b>Giá trị tài sản thuần</b>	<b>19.750.444.781</b>	<b>16.917.390.658</b>
<b>Phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên kết</b>	<b>4.542.602.300</b>	<b>3.890.999.851</b>
Số liệu trên BCKQHĐKD của công ty liên kết	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Tổng doanh thu	67.292.664.233	52.930.005.581
- Lợi nhuận sau thuế	2.704.929.152	946.620.802
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của của công ty liên kết		
- Tổng doanh thu	15.477.312.774	12.173.901.284
- Lợi nhuận sau thuế	622.133.705	217.722.784
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty Vinalines Logictis	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác	100.562.000	201.123.000
- Thẻ hội viên Golf	100.562.000	201.123.000
	<b>1.605.562.000</b>	<b>1.706.123.000</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	393.370.446	513.957.244
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	286.376.752	167.254.603
	<b>679.747.198</b>	<b>681.211.847</b>

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	726.985.188	417.793.622
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.108.608.717	2.005.053.864
Thuế Thu nhập cá nhân	842.870.519	142.828.708
Các loại thuế khác	2.715.267.439	2.220.789.442
	<b>6.393.731.863</b>	<b>4.786.465.636</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	704.949.144	548.889.022
Bảo hiểm xã hội	82.140.155	6.232.618
Bảo hiểm y tế	309.600	-
Bảo hiểm thất nghiệp	137.600	-
Thuế nhà thầu phải trả theo Bill	2.253.435.406	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.309.100.000	8.216.900.000
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	22.569.058.755	20.786.093.880
Phải trả các chi nhánh SAFI	9.630.516.935	13.904.337.035
Thuế cước	160.845	160.845
Phải trả cước thu hộ hãng tàu	36.787.470.944	47.274.320.246
Phải trả về các khoản thu hộ khác	13.926.214.976	-
Phải trả, phải nộp khác	2.219.355.069	1.524.907.774
	<u><u>115.482.849.429</u></u>	<u><u>92.261.841.420</u></u>

353  
TY  
SA HỒI H  
CỦ TỬ V  
HINH KẾ  
KIỂM  
N KIẾ



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND						
Số dư đầu năm trước	27.633.278.054	33.636.112.600	-	-	10.880.787.788	1.048.728.062	60.219.414.097	133.418.320.601
Tăng vốn trong năm trước	55.266.540.000	-	-	-	-	-	-	55.266.540.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	33.517.850.947	33.517.850.947
Tăng khác	-	-	1.086.482.995	-	-	-	-	1.086.482.995
Giảm khác	-	-	(197.907.773)	-	(25.874.966.818)	(43.000.000)	(51.634.692.438)	(77.750.567.029)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>82.899.818.054</b>	<b>33.636.112.600</b>	<b>888.575.222</b>	<b>-</b>	<b>3.281.512.944</b>	<b>42.102.572.606</b>	<b>162.808.591.426</b>	<b>162.808.591.426</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	31.160.079.954	31.160.079.954
Phân phối LN năm 2009	-	-	-	-	-	-	(7.978.099.029)	(6.061.544.765)
Công ty mẹ (1)	-	-	-	-	1.916.554.264	-	-	(52.951.234)
Phân phối LN năm 2009 các công ty con (2)	-	-	-	-	-	-	-	(888.575.222)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	(888.575.222)	-	-	-	-	(888.575.222)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	4.103.403.715	-	-	-	-	4.103.403.715
Giảm khác (2)	-	-	-	-	-	-	(3.222.613)	(3.222.613)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>82.899.818.054</b>	<b>33.636.112.600</b>	<b>4.103.403.715</b>	<b>-</b>	<b>5.198.067.208</b>	<b>65.228.379.684</b>	<b>191.065.781.261</b>	<b>191.065.781.261</b>

(1) Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (Công ty mẹ) thực hiện phân phối lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 theo Nghị quyết số 01-2010/NQ-DHĐCĐ của Đại Hội đồng cổ đông ngày 7/5/2010, cụ thể như sau:

- Trích trả cổ tức	4.144.990.500 VND
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính	1.916.554.264 VND
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.916.554.265 VND
<b>Cộng</b>	<b>7.978.099.029 VND</b>

(2) Các Công ty con đã thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm cụ thể như sau:

	Công ty Liên doanh đại lý vận tải Cosfi		Công ty TNHH SITC Việt Nam		Hợp nhất
	PPLN Công ty của con	Trong đó lợi ích của công ty mẹ	PPLN Công ty của con	Trong đó lợi ích của công ty mẹ	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	103.825.949	52.951.234	52.951.234
- Phân chia lợi nhuận	2.716.772.273	1.385.553.859	786.817.938	401.277.198	-
- Giảm khác	6.318.752	3.222.564	97	49	3.222.613
<b>Cộng</b>	<b>2.723.091.025</b>	<b>1.388.776.423</b>	<b>890.643.984</b>	<b>454.228.481</b>	<b>56.173.847</b>



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	11.782.437.711	14,21%	11.782.437.711	14,21%
Vốn góp của đối tượng khác	71.117.380.343	85,79%	71.117.380.343	85,79%
	<b>82.899.818.054</b>	<b>100%</b>	<b>82.899.818.054</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	82.899.818.054
- Vốn góp đầu kỳ	82.899.818.054	27.633.278.054
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	55.266.540.000
- Vốn góp cuối kỳ	82.899.818.054	82.899.818.054
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.144.990.500	30.396.597.800
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	4.144.990.500	30.396.597.800

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.981	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.981	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.981	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.981	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.981	8.289.981

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	5.198.067.208	3.281.512.944
	<b>5.198.067.208</b>	<b>3.281.512.944</b>

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	182.712.157.811	124.388.584.438
	<b>182.712.157.811</b>	<b>124.388.584.438</b>

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	128.212.646.294	75.114.369.619
	<b>128.212.646.294</b>	<b>75.114.369.619</b>

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.886.541.537	2.743.009.594
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.553.797.608	3.349.316.747
	<b><u>13.440.339.145</u></b>	<b><u>6.092.326.341</u></b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.667.189.288	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.221.132.498
Chi phí tài chính khác	1.077.532	6.066.456
	<b><u>3.668.266.820</u></b>	<b><u>1.227.198.954</u></b>

**20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**  
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	38.932.434.842	39.357.109.442
Các khoản điều chỉnh tăng	1.312.813.907	394.467.091
- Chi phí không hợp lệ		
Các khoản điều chỉnh giảm	(17.071.483.320)	(21.662.767.832)
- Lãi từ liên kết	23.173.765.429	18.088.808.701
Tổng lợi nhuận tính thuế	16.134.548.163	13.604.379.942
- Safi	2.687.749.621	3.244.604.884
- Cosfi	4.351.467.645	1.239.823.875
- Sinc	25%	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.793.441.357	4.522.202.175
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo TT03 đối với các công ty con	-	(336.332.156)
	<b><u>5.793.441.357</u></b>	<b><u>4.185.870.019</u></b>

2203  
CÔNG  
CH VỤ  
CHÍNH  
VÀ KIẾ  
TAN KI

**21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	31.160.079.954	33.517.850.947
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.160.079.954	33.517.850.947
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.289.981	4.995.245
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.759</u></b>	<b><u>6.710</u></b>

**22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Khai báo chi tiết tại...

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Địa chỉ: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**23. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

a). Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

STT	Chi tiêu	Hoạt động Logistic	Dịch vụ đại lý hàng tàu	Cộng
		VND	VND	VND
<b>Năm 2010</b>				
1	Doanh thu thuần trực tiếp từ bên ngoài	121.714.394.362	60.997.763.449	182.712.157.811
2	Doanh thu thuần trực tiếp cho các bộ phận khác	-	-	-
3	Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	3.941.696.739	604.824.057	4.546.520.796
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	33.134.031.483	5.798.403.359	38.932.434.842
5	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản dài hạn	7.956.538.298	555.509.092	8.512.047.390
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>				
1	Tài sản bộ phận	200.951.020.263	145.731.722.092	346.682.742.355
2	Tài sản không phân bổ			50.986.861.776
<b>Tổng tài sản</b>		<b>200.951.020.263</b>	<b>145.731.722.092</b>	<b>397.669.604.131</b>
1	Nợ phải trả bộ phận	74.277.959.326	119.445.775.940	193.723.735.266
2	Nợ phải trả không phân bổ			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>74.277.959.326</b>	<b>119.445.775.940</b>	<b>193.723.735.266</b>

b). Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 1/1/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu.

	Mã số	Phân loại và trình	Đã trình bày trên
		bày lại	báo cáo kỳ trước
		VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Nợ ngắn hạn	310	152.777.175.521	152.125.735.441
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	651.440.080	-
Vốn chủ sở hữu	400	162.808.591.426	163.460.031.506



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1/ Kiểm toán độc lập :

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**

*AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)*

*THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ*

*01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam*

*Tel: (84-4) 824 1990/1 – Fax: (84-4) 825 3973*

*Email : aaschn@hn.vnn.vn*

*Website : www.aasc.com.vn*

*Kiểm toán viên : Vũ Xuân Biên*

*Chứng chỉ KTV số : 0743/KTV*

*Đại diện công ty AASC : Nguyễn Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc*

*Chứng chỉ KTV số : Đ0063/KTV*

*- Công ty Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán (AASC) đã thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty Cổ phần Đại lý Vận Tải Safi : năm 2009 và 2010.*

*- Kiểm toán viên lưu ý người đọc Báo cáo tài chính : Tại thời điểm 31/12/2010, khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn năm nay đang phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" là 4.103.403.715 VND, theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì các khoản chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào thu nhập phát sinh trong năm.*

## 2/ Ban kiểm soát :

CÔNG TY CP ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI  
Ban kiểm soát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2010

*Kính thưa Quý cổ đông!*

Trong các ngày 18 và 19/3/2011 vừa qua, Ban kiểm soát (BKS) đã làm việc tại văn phòng Công ty CP Đại lý Vận tải Safi - 39 Đoàn Như Hải - Quận 4 - TP. Hồ Chí Minh để đánh giá tình hình hoạt động của BKS trong năm 2010, đồng thời xem xét, kiểm tra sổ sách kế toán cũng như báo cáo hợp nhất của Công ty CP Đại lý Vận tải Safi sau khi đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) đã kiểm toán để trình trước Đại hội đồng cổ đông hôm nay theo nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông của Hội Đồng Quản Trị (HDQT).

Thay mặt BKS, tôi xin báo cáo trước kỳ họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

#### 1. ĐÁNH GIÁ CHUNG :

- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới không khả quan hơn năm 2009.
- Các đơn vị làm dịch vụ, trong đó dịch vụ hàng hải chúng ta gặp không ít khó khăn như giá cước giảm, chi phí nói chung tăng, cạnh tranh càng ngày càng khốc liệt.
- Thiên tai, dịch bệnh nhiều
- Có những văn bản, chỉ thị, nghị quyết chống chéo nhau nên doanh nghiệp khó hoạt động.

#### 2. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS :

Hoạt động của BKS trong năm tài chính 2010 vẫn là 3 thành viên cũ của năm 2009.

Trong năm qua, với chức năng và nhiệm vụ là giám sát và kiểm soát, BKS đã kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành của HDQT cũng như Ban tổng giám đốc Công ty. Các kỳ họp của HDQT đều có sự tham gia của trưởng BKS. Trưởng BKS cũng đã đóng góp nhiều ý kiến với HDQT, Ban giám



đốc về công tác hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm cũng như phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới, công tác điều hành, đầu tư xây dựng cơ bản và các vấn đề khác. Cũng như theo đề nghị của HĐQT, trưởng BKS đã tham gia vào Ban quản lý dự án. Trưởng BKS đã tham dự các phiên họp của Ban quản lý dự án về công trình 209 Nguyễn Văn Thù và có những góp ý về xây dựng công trình này.

### 3. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT

Nhìn chung, trong năm qua HĐQT của công ty đã sinh hoạt đúng lịch đề ra. Tại các kỳ họp HĐQT đều xem xét, kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nghị quyết ở kỳ họp trước cũng như nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã nhanh nhạy nắm bắt những diễn biến để chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành và thực hiện.

Chính nhờ sự nắm bắt và chỉ đạo kịp thời đó nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 tăng 34,21% với năm 2009. HĐQT cũng đã chỉ đạo Tổng giám đốc thực thi các nghị quyết và các chủ trương của HĐQT trong công tác phát triển khách hàng, mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất và tài chính.

### 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

#### a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 trên cơ sở đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) thực hiện:

- Tổng doanh thu : 121.714 triệu đồng  
So với năm 2009 đạt 134,21% (121,714 trđ/ 90,686 trđ)
- Tổng chi phí : 113.198 triệu đồng.  
So với năm 2009 tăng 40,77% (113.198 trđ/80.869 trđ)
- Lãi kinh doanh cơ bản: 8.516 triệu đồng.  
So với năm 2009 chỉ bằng 82,89% (10.274 trđ/8.516 trđ).
- Lãi hoạt động tài chính: 15.948 triệu đồng.  
So với năm 2009 tăng 31,17% (15.948 trđ/12.159 trđ)
- Lãi khác: 213 triệu đồng.

12/10 = 2010

So với năm 2009 tăng 74,55% (213 trđ/132 trđ)

+Tổng lợi nhuận sau thuế: 20.663 triệu đồng.

So với năm 2009 tăng 7,8% (20.663 trđ/19.165 trđ)

**b) Tài sản cố định:**

+Mua sắm tài sản, thiết bị ... theo biên bản kiểm toán:	5.477.391.849 đ
+Mua sắm tài sản, thiết bị ... theo biên bản kiểm kê	1.209.912.051 đ
<b>Chênh lệch</b>	<b>4.267.479.798 đ</b>
+Nguyên giá TSCĐ theo Bb kiểm toán	108.497.204.814 đ
+Nguyên giá TSCĐ theo BB kiểm kê	77.255.813.362 đ
<b>Chênh lệch</b>	<b>31.241.391.452 đ</b>
+Tiền và các khoản tương đương tiền	46.531.209.773 đ
+Nợ phải thu	26.427.932.293 đ
+Nợ phải trả	74.712.683.865 đ

**c) Nguồn vốn:**

+Vốn đầu tư chủ sở hữu	82.899.818.054 đ
+Thặng dư vốn cổ phần	33.638.112.600 đ
+Chênh lệch tỷ giá	1.361.753.272 đ
+Quỹ dự phòng tài chính	5.198.067.208 đ
+Lợi nhuận chưa phân phối	2.907.714.563 đ

**c) về đầu tư :**

-Công trình văn phòng làm việc và cho thuê 209 Nguyễn Văn Thủ - Q1 đã hoàn tất mọi thủ tục về xây dựng cơ bản. Hiện tại đang làm thủ tục về đấu thầu để trình HĐQT phê duyệt. Dự kiến công trình sẽ khởi công muộn nhất là đầu tháng 6/2010. Công trình dự kiến xây dựng trong vòng 18 tháng với tổng dự toán dự kiến là 41,7 tỷ đồng.

-Đang nghiên cứu để bán cổ phiếu cho CMG (China Merchant Group) tương đương 20% vốn đăng ký trên sàn giao dịch của Safi tại thành phố Hồ Chí Minh.

3  
G  
H  
V  
A  
P

*d) về liên doanh, liên kết:*

*Hiện tại Safi có các liên doanh sau:*

- +Liên doanh với Cosfi: Safi chiếm 51% vốn  
Lợi nhuận sau thuế chưa chia dự kiến 2,1 tỷ đồng.
- +Liên doanh KCTC: Safi chiếm 23% vốn  
Lợi nhuận sau thuế chưa chia dự kiến 3 tỷ đồng
- +Liên doanh SITC: Safi chiếm 51% vốn  
Lợi nhuận sau thuế chưa chia dự kiến 2 tỷ đồng
- +Liên doanh Yusen: Safi chiếm 45% vốn  
Lợi nhuận sau thuế chưa chia dự kiến 42 tỷ đồng.

## **5. NHẬN XÉT :**

5-1. Ban điều hành Công ty đã tuân thủ điều lệ của Công ty cổ phần, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

5-2. Tổng giám đốc và Ban điều hành đã đánh giá được tình hình sản xuất kinh doanh trong năm qua của thị trường Việt Nam, của khối dịch vụ hàng hải, triển khai các khâu sản xuất kinh doanh hợp lý nên kinh doanh có hiệu quả. Tuy nhiên lợi nhuận tăng là do biến động tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng.

5-3. Các báo cáo được thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hướng dẫn cũng như quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5-4. Các báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh cũng như tình hình tài chính của công ty.

## **6- KIẾN NGHỊ**

6-1. Để tiện việc theo dõi cũng như xem xét sổ sách kế toán cuối năm, hàng quý khi xong báo cáo quyết toán đề nghị Phòng Tài chính kế toán công ty gửi cho Ban kiểm soát một bộ thông qua Cô Phùng Thị Nga - Vitamas - 44 Nguyễn Tất Thành - Q4.

6-2. Đề nghị HĐQT xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông có nên mua cổ phiếu quỹ hay không nhất là trong tình hình giá cổ phiếu đang xuống.

6-3. Đề xuất xem lại phân lợi nhuận chưa phân phối.

6-4. Đề nghị xử lý 2 khoản chênh lệch về mua sắm và nguyên giá TSCĐ như đã nêu ở phần trên.

6-5. Năm 2010, tổng lợi nhuận theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là :

31.160.079.954. Đề nâng cao giá trị của cổ phiếu cũng như đáp lại lòng tin của các nhà đầu tư,

BKS đề nghị HĐQT xin ý kiến Đại hội cổ đông tăng tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 cao hơn dự kiến là 7-10%.

6-6. Đề nghị HĐQT trình ĐHCĐ phương án sử dụng 33.636.112.600 thặng dư vốn cổ phần từ năm 2009.

Xin chúc Đại hội thành công, Chúc Quý Cổ đông mạnh khỏe, thành đạt.

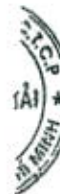
Xin trân trọng cảm ơn.

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2011

T/M BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Phạm Sỹ Nhượng



## VI. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Công ty Liên doanh COSFI, công ty liên doanh SITC .

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : Công ty con Hải Phong.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : nắm giữ 51% vốn góp của Liên doanh Cosfi, nắm giữ 51% vốn góp của Liên doanh SITC và 45% vốn góp của Liên doanh Yusen Việt Nam, 23% vốn góp của liên doanh KCTC Việt Nam.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

Công ty Liên doanh COSFI đạt lợi trước thuế năm 2010 là : 2.634.017.483 đồng.

Công ty Liên doanh Yusen Việt Nam đạt lợi trước thuế năm 2010 là : 36.554.110.255 đồng

Công ty Liên doanh KCTC Việt Nam đạt lợi trước thuế năm 2010 là : 3.559.727.374 đồng .

Công ty TNHH SITC Việt Nam lợi trước thuế năm 2010 là : 3.164.385.876 đồng

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết :

Cơ cấu tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đại lý vận tải Safi bao gồm:

Tổng Giám đốc : phụ trách điều hành chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động đại lý vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển trong và ngoài nước, liên doanh, công tác tổ chức nhân sự và kế toán tài chính.

Phó tổng Giám đốc: phụ trách Đại lý vận tải đa phương thức, gồm: Đại lý vận tải đường biển, đường không, đường bộ và các dịch vụ giao nhận và kho vận (logistic);

Phó tổng Giám đốc: phụ trách dịch vụ đại lý tàu biển, bao gồm đại lý tàu cho các Hãng Cosco, Đông Nam Á; môi giới hàng hải và dịch vụ hàng hải.

Phó tổng Giám đốc: phụ trách Pháp chế và Phát triển .

Sáu chi nhánh rải khắp cả nước: bao gồm chi nhánh Hà Nội, chi nhánh Hải Phòng, chi nhánh Quảng Ninh, chi nhánh Quy Nhơn, chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Vũng Tàu .

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

**1/ Ông Trần Nguyên Hùng : TGD**

Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 05/09/1958  
 Nơi sinh: Nha Trang  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Nam Định  
 Địa chỉ thường trú: 177/20/19A Nguyễn Văn Đậu, F.11, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân anh văn  
 Quá trình công tác:  
 1976 - 1980: Cán bộ Công ty xây dựng Uông Bí- Quảng Ninh.  
 1980 - 1993: Cán bộ Công ty Đại lý Hàng hải Việt Nam  
 04/1993- 1994 : Phó phòng Shipping Agency  
 1994- 01/1995 : Trưởng phòng Airfreight  
 01/1995- 03/2000: Trưởng phòng Seafreight và phụ trách toàn bộ mảng Freight Forwarding & Logistics toàn quốc .  
 03/2000: Phó Giám đốc phụ trách toàn bộ mảng Freight Forwarding & Logistics toàn quốc  
 Những người có liên quan: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

**2/ Ông Bùi Quang Cảnh : Phó TGD**

Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 01/08/1957  
 Nơi sinh: Hải phòng  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Hải phòng  
 Địa chỉ thường trú: 16L, Hoàng Diệu, F.10, Phú nhuận, TP. Hồ Chí Minh  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân anh văn  
 Quá trình công tác:  
 05/1979 – 06/1980: Nhân viên Đại lý Hàng hải Việt Nam Hải phòng  
 07/1980 – 03/1993: Nhân viên Đại lý Hàng hải Việt Nam Qui nhơn  
 04/1993 – 07/1994 : Nhân viên Đại lý Hàng hải Việt Nam Vũng tàu  
 08/1994 – 04/1997 : Nhân viên SAMTRA  
 05/1997 – 11/1997 : Nhân viên phòng Đại lý thương vụ Cty CP DLVT SAFI  
 12/1997 – 09/2008 : Phó, trưởng phòng Đại lý thương vụ Cty CP DLVT SAFI  
 09/2008 – Nay : phó tổng giám đốc Cty CP DLVT SAFI  
 Những người có liên quan: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

### **3/ Ông Nguyễn Cao Cường : Phó TGD**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 11-12-1967  
Nơi sinh: Hà Nội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Hà Nội  
Địa chỉ thường trú: 429/4 Nguyễn Kiệm , F. 9 ,Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh  
Trình độ chuyên môn: kỹ sư hàng hải ,ngành điều khiển tàu biển  
Quá trình công tác:  
1985 - 1990 : Học Đại Học Hàng Hải Hải Phòng.  
1990 - 1993 : Thuyền phó 3 ,Cty V/tải biển Thái Bình Dương , Bộ Nội Vụ.  
1993 - 10/2005: Nhân viên -Trưởng phòng đại lý vận tải đường biển SAFI  
10/2005 - 3/2008 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty liên doanh YUSEN –VN  
03/2008 - 9/ 2008: Trưởng Phòng đại lý vận tải hàng không SAFI  
09/2008 - Nay : Phó Tổng giám đốc  
Những người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **4/ Ông Phan Thông : Phó TGD**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 08-6-1965  
Nơi sinh: Hà Nội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Hà Nội  
Địa chỉ thường trú: Số 72, Hoàng Hoa Thám, Hà Nội  
Trình độ chuyên môn:  
- Cử nhân Ngoại ngữ tiếng Anh  
- Cử nhân Kinh tế Ngoại thương  
- Cử nhân Luật  
Quá trình công tác:  
1987-1992 : Nhân viên Đại lý tàu biển Việt Nam tại Hải Phòng;  
1992-1994 : Cán bộ đại diện Đại lý Hàng hải Việt Nam tại Hà Nội;  
1995 - 09/2008 : Làm việc tại SAFI. Đón qua các chức vụ: Phó trưởng phòng Đại lý vận tải, phụ trách Chi nhánh Hà Nội; Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.  
09/2008 - Nay : Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh SAFI Hà Nội .  
Những người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm : *không*
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động : *277 người. Thực hiện theo chính sách nhà nước đối với người lao động.*
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị : *không đổi trong năm 2010.*
- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc ...*theo thang bảng lương quy định của nhà nước.*

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành phần của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành) :

Thành phần của HĐQT nhiệm kỳ 2007-2012 :

1. Ô. Trần Mạnh Hà (*không điều hành*)
2. Ô. Hoàng Đăng Doanh (*không điều hành*)
3. Ô. Nguyễn Hữu Cư (*không điều hành*)
4. Ô. Trần Nguyên Hùng
5. Ô. Phan Thông

Thành phần của Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2007-2012 :

1. Ô. Phạm Sỹ Nhung (*không điều hành*)
2. Ô. Hồ Anh Tuấn (*không điều hành*)
3. Bà Phùng Thị Nga (*không điều hành*)

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên : *họp thường kỳ theo quý.*
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành : *họp thường kỳ theo quý.*
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): *không có tiểu ban.*
- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên : *họp thường kỳ theo quý.*



- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty :  
*hoạt động bình thường.*

- Khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT : *tốt .*

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT : *2.48% (hai phẩy bốn mươi tám phần trăm)*

- Thù lao của thành viên HĐQT và những người điều hành chủ chốt khác của công ty : *thù lao năm 2010 : 192.000.000 đồng cho các thành viên HĐQT + BKS .*

- Các giao dịch liên quan : *không .*

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông :** dựa trên danh sách chốt ngày đăng ký cuối cùng 16/03/2011.

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông : *14.21% cổ đưng nhà nước (Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam), 2,48.% Hội Đồng Quản trị, Ban kiểm soát 2.05%; Ban Giám đốc 0.32%, còn lại là cổ đưng ngoài 80.94%.*

- Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đưng lớn : *không có .*

- Số lượng cổ đưng ngoài tổ chức phát hành : *2.817 cổ đưng (gồm 01 cổ đưng nhà nước) .*

- Số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đưng ngoài tổ chức phát hành : *toàn bộ .*

## IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC

TP.HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2011

TM Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Nguyễn Hùng*